

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 943/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/7/2021.

Về việc “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mạnh Đoan Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Thực;

Ông Nguyễn Ngọc Hòa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Danh Đời – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án thụ lý số 222/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4791/2021/QĐXXST-DS ngày 23/7/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Trường G**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 2530 N Ohio, Joplin, Missouri, Mỹ, (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Trần Hồ Kiều Tr**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 27/54 đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường 1, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung Đơn khởi kiện ngày 21/6/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Trường G trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, ông G và bà Trần Hồ Kiều Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 371, quyển số 02/2009, ngày 25/12/2009. Sau khoảng thời gian chung sống hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng càng về sau càng nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sau đó ông G đi nước ngoài định cư, từ đó hai vợ chồng sống ly thân cho đến

nay. ông G xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Tr.

Về con chung: ông G khai ông và bà Tr có 01 người con chung tên: Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 01/10/2012. ông G yêu cầu sau khi ly hôn, bà Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, ông G đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Theo nội dung Bản tự khai ngày 08/7/2021, bị đơn bà Trần Hồ Kiều Tr trình bày: bà Tr xác nhận những lời trình bày của ông G về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung là đúng. Nay ông G yêu cầu ly hôn, bà đồng ý ly hôn và đồng ý yêu cầu của ông G về việc bà Tr trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Minh Khang, việc cấp dưỡng bà thống nhất để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, bà Tr đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Theo Bản tự khai ngày 08/7/2021, cháu Nguyễn Minh Khang trình bày: Nếu Tòa án chấp nhận cho cha mẹ của cháu là ông Nguyễn Trường G và bà Trần Hồ Kiều Tr ly hôn, cháu Khang có nguyện vọng được sống chung với Mẹ là bà Trần Hồ Kiều Tr, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Xét thấy, ông Nguyễn Trường G khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Hồ Kiều Tr và ông G hiện đang cư trú tại nước ngoài nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án về hôn nhân gia đình là đúng về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Đơn khởi kiện, Đơn xin vắng mặt, Giấy ủy quyền ngày 21/6/2021 của ông Nguyễn Trường G đã được hợp pháp hóa lãnh sự của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Houston, Hoa Kỳ nên đây được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trường G, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Qua lời trình bày của ông G và bà Tr, có cơ sở xác định: ông G và bà Tr có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 371, quyền số 02/2009 do Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/12/2009, tại thời điểm đăng ký kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa ông G và bà Tr là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải hòa, ông G đã đi định cư ở nước ngoài, vì khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có sự gắn kết sâu đậm. Do hai bên đang sinh sống và làm việc ở hai nước khác nhau nên không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông G yêu cầu được ly hôn với bà Tr, bà Tr cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử có cơ sở công nhận sự thuận tình ly hôn của ông G và bà Tr.

- Về con chung: ông G và bà Tr có 01 người con chung tên Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 01/10/2012. ông G yêu cầu sau khi ly hôn, bà Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng. Xét thấy, bà Tr cũng như cháu Khang đều thống nhất đồng ý với yêu cầu nêu trên của ông G, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của hai bên.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: ông G và bà Tr đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí về ly hôn trong vụ việc hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn ông Nguyễn Trường G phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Nguyễn Trường G**, sinh năm 1984 và bà **Trần Hồ Kiều Tr**, sinh năm 1985.

Giấy chứng nhận kết hôn số 371, quyển số 02/2009 do Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/12/2009 cho bà Trần Hồ Kiều Tr và ông Nguyễn Trường G hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Trường G và bà Trần Hồ Kiều Tr có 01 người con chung tên Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 01/10/2012. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông G và bà Tr về việc giao con chung tên Nguyễn Minh Khang cho bà Tr trực tiếp nuôi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Trường G và bà Trần Hồ Kiều Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông Nguyễn Trường G và bà Trần Hồ Kiều Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trường G phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn trong vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông G đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0094818 ngày 01/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. ông G đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Ông Nguyễn Trường G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bà Trần Hồ Kiều Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND Phường 5, Quận 8, TP.HCM;
- UBND Phường 1, quận Gò Vấp, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án, (Đời-Trg), 18.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mạnh Đoàn Trang

